

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ VANG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST

Ngày: 12 -7-2019.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Nga và bà Dương Hạ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Thị L; sinh ngày 01/10/1984 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn Phương Diên, xã Phú Diên, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Có chồng là Nguyễn Văn L, sinh năm 1983 và 03 con (Lớn nhất sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- Bị hại: Bà NTL, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; có mặt.

3. Bà Giáp Thị Bé L, sinh năm 1979; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế

+ Người làm chứng: Chị Mai Thị L, sinh năm 1989; Trú tại: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 17/01/2019, Trần Thị L đến nhà ông Mai Thanh Tr, ở thôn D, huyện P để lấy tiền bán cá nhưng không có ông Tr ở nhà. L phát hiện nhà bà NTL (ở cạnh nhà ông Tr) đóng cửa, không có người trông coi nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đi dọc theo tường nhà đến cửa hông bên phải vào nhà lớn dùng tay giật mạnh làm bung cánh cửa ra, L bỏ dép bên ngoài rồi đi vào trong nhà. Sau đó, L đi đến phòng ngủ mở cửa ra lấy chùm chìa khóa để trong xô nhựa mở tủ gỗ đựng áo quần ra, phát hiện bên trong có 01 túi xách da màu đen. L lấy túi xách ra bỏ xuống nền nhà kiểm tra thì thấy bên trong túi có vàng và tiền. L lấy tiền và vàng bỏ vào túi áo khoác còn túi xách để lại trong tủ khóa lại, bỏ chùm chìa khóa lại chỗ cũ rồi đi về nhà. Khi về nhà, L kiểm tra tài sản lấy trộm tại nhà bà NTL gồm 25.000.000 đồng; 24 khâu nhẫn vàng tròn trơn, 02 sợi dây chuyền dạng móc xích kết nối với nhau có tượng và 01 sợi dây chuyền vàng dạng móc xích kết nối với nhau có tượng hình bầu dục in phật quan âm. L đem toàn bộ số vàng giấu dưới tủ đựng áo quần, còn số tiền trộm cắp được L trả nợ cho bà Giáp Thị Bé L số tiền 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000 đồng, đưa cho chồng là Nguyễn Văn L số tiền 23.000.000 đồng và 500.000 đồng L dùng tiêu xài cá nhân. Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Ngày 27/02/2019, Sở khoa học và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

“Mẫu 24 nhẫn trơn kim loại màu vàng có khối lượng 16,8 chỉ, chất lượng vàng 99,99%; Mẫu 01 dây chuyền kim loại vàng và tượng có gắn viên đá thủy tinh có khối lượng 3,5 chỉ, chất lượng vàng 98%, viên đá thủy tinh không có giá trị; Mẫu 01 dây chuyền kim loại vàng có khối lượng 5,05 chỉ, chất lượng 50% vàng; Mẫu 01 dây chuyền kim loại vàng có khối lượng 3,71 chỉ, chất lượng 50% vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 78/KL-HĐĐG ngày 07/3/2019, Hội đồng định giá tài sản hình sự huyện Phú Vang, kết luận: 24 (Hai mươi bốn) nhẫn trơn kim loại vàng, có khối lượng 16,8 chỉ, chất lượng vàng 99,99%, có giá: $3.580.000 \text{ đồng/chỉ} \times 16,8 \text{ chỉ} = 60.144.000 \text{ đồng}$; 01 (Một) dây chuyền kim loại vàng và tượng có gắn viên đá thủy tinh có khối lượng 3,5 chỉ, chất lượng vàng 98%, có giá: $3.560.000 \text{ đồng/chỉ} \times 3,5 \text{ chỉ} = 12.460.000 \text{ đồng}$; Một (01) dây chuyền kim loại vàng có khối lượng 5,05 chỉ, chất lượng 50% vàng, có giá: $1.791.000 \text{ đồng/chỉ} \times 5,05 \text{ chỉ} = 9.045.000 \text{ đồng}$; 01 dây chuyền kim loại vàng có khối lượng 3,71 chỉ, chất lượng 50% vàng, có giá: $1.791.000 \text{ đồng/chỉ} \times 3,71 \text{ chỉ} = 6.645.000 \text{ đồng}$

Tổng giá trị tài sản cần định giá là 88.294.000 đồng (Tám mươi tám triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng”.

Vật chứng thu giữ, xử lý vật chứng: Số tiền 23.000.000 đồng; 24 (Hai mươi bốn) khâu nhẫn kim loại vàng dạng tròn trơn; 02 (hai) sợi dây chuyền kim loại vàng dạng hình móc xích đẹp kết nối với nhau; 01 (Một) sợi dây chuyền kim loại vàng dạng hình móc xích kết nối với nhau, có mặt tượng hình bầu dục in phật quan âm; 01 (một) túi vải màu đỏ dạng hình vuông, trên túi vải có một dây kéo và một nút bấm.

Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Ly đã nhận lại tài sản và số tiền 2.000.000 đồng mà L bồi thường, bà NTL không yêu cầu gì đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSPV ngày 31/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Trần Thị L từ 01(Một) năm 06 (sáu) tháng đến 01(Một) năm 09 (chín) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang đã trả lại vật chứng cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản là tiền, vàng và số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, Trần Thị L khai nhận vào khoảng 09 giờ 45 phút ngày 17/01/2019, Trần Thị L đã có hành vi đột nhập vào nhà chiếm đoạt tiền và vàng của bà NTL (thôn D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) với tổng giá trị là 113.294.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Trần Thị L đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c

khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị L thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Xét thấy tính chất mức độ hành vi của bị cáo Trần Thị L là rất táo bạo, nguy hiểm cho xã hội. Hiện nay, tình hình trộm cắp tại địa phương xảy ra nhiều nên cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm ở địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang đã trả lại vật chứng cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản là tiền, vàng và số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản là tiền, vàng và số tiền 2.000.000 đồng bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã

nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự ; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Vang;
- Công an huyện Phú Vang;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh TT Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hương Lan

